

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 21-5-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Thưởng;

2. Ông Nguyễn Tấn Phúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 23/4/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N, sinh năm: 2004, tại tỉnh Sóc Trăng, T gọi khác: Nhí, Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nghề nghiệp: Công nhân, Trình độ học vấn (văn hóa): 07/12, Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nam, Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Ngọc Đ; Bị cáo chưa có vợ con.

- Nhân thân:

Ngày 03/3/2022, bị cáo Nguyễn Trọng N bị Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST, đã xoá án tích.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 19/12/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực thành phố M thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Bị cáo có mặt)

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1993. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm C, Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Nơi ở hiện nay: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Sô B, Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Anh Huỳnh Thanh T3, sinh năm: 1997. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

4. Chị Lê Ngọc Đ, sinh năm: 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1991. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2023, bị cáo Nguyễn Trọng N đến thuê phòng số 10C – Nhà trọ N1 thuộc ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang để ở và đi làm công nhân.

Khoảng 04 giờ ngày 12/12/2024, khi thức dậy đi vệ sinh thì bị cáo Nguyễn Trọng N nhìn thấy phòng trọ số 08C do chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1992, Đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và chị Nguyễn Thị C,

sinh năm 1991, Đăng ký thường trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre thuê trọ đang nằm ngủ nhưng cửa sau không đóng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Khi vào phòng, bị cáo Nguyễn Trọng N phát hiện điện thoại di động hiệu Iphone Promax của chị Nguyễn Thị Ngọc T1 đang sạc pin để trên nền gạch của phòng trọ nên lấy trộm đem về phòng cất giấu. Khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 62N1 – 833.20 đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại di động “Hiếu Nghĩa Mobile” tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1993 làm chủ bán được 1.500.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện mất tài sản, chị Nguyễn Thị Ngọc T1 trình báo sự việc đến Công an xã T để giải quyết.

Công an xã T 1 tiến hành mời bị cáo Nguyễn Trọng N làm việc. Kết quả bị cáo Nguyễn Trọng N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 534/KL-HĐDGTS ngày 27/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T xác định giá trị còn lại của điện thoại di động trên là 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm ngàn đồng).

- Về vật chứng thu giữ trong vụ án:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone Promax, màu xanh riêu, số máy: NWGN2LL/A, số sê ri: HOCFDOUUN7OL, Imei: 352844115655925, đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) xe mô tô 02 bánh biển số 62N1 – 833.20, hiệu Suzuki, màu đỏ đen, số máy: CGA1502946, số khung: RLSDL11ANHV1102842. Qua điều tra xác định xe này do anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973, Đăng ký thường trú: Số B, Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, năm 2024, anh Nguyễn Thanh B đã bán xe này cho cửa hàng xe gắn máy “Tuấn H1” do anh Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1997, Đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An làm chủ nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến ngày 18/02/2024, anh Huỳnh Thanh T3 tiếp tục bán lại xe cho bị cáo Nguyễn Trọng N với giá 17.500.000 đồng nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với điện thoại di động hiệu Iphone Promax. Qua điều tra xác định do chị Nguyễn Thị Ngọc T1 làm chủ. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1 xong.

+ Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang ra quyết định chuyển xe mô tô biển số 62N1 – 833.20 có đặc điểm như đã nêu trên đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang chờ xử lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị Ngọc T1 đã nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

+ Ngoài ra, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh T2 đã nhận lại 1.500.000 đồng từ gia đình bị cáo Nguyễn Trọng N và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKSTP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được

sửa đổi, bổ sung năm 2017 sự tuyên: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N 01 xe ô tô 02 bánh biển số 62N1 – 833.20, hiệu Suzuki, màu đỏ đen, số máy: CGA1502946, số khung: RLSDL11ANHV1102842.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trọng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 04 giờ ngày 12/12/2024, tại phòng số 08C – Nhà trọ N1 thuộc ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Nguyễn Trọng N đã có hành vi lén lút trộm cắp điện thoại di động hiệu Iphone Promax của bị hại Nguyễn Thị Ngọc T1 có giá trị thành tiền là 10.800.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Trọng N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Điều 173. Tội trộm cắp tài sản*

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Vì vậy, bị cáo Nguyễn Trọng N phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 19/CT-VKSTP ngày 24 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an địa phương. Hành vi của bị cáo cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong, theo bản án số 13/2022/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu thể hiện ông ngoại và bà ngoại của bị cáo Nguyễn Trọng N là người có công cách mạng và được tặng huy chương nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị Ngọc T1 đã nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh T2 đã nhận lại 1.500.000 đồng từ gia đình bị cáo Nguyễn Trọng N và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với điện thoại di động hiệu Iphone Promax. Qua điều tra xác định do chị Nguyễn Thị Ngọc T1 làm chủ. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1 xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với xe mô tô 02 bánh biển số 62N1 – 833.20, hiệu Suzuki, màu đỏ đen, số máy: CGA1502946, số khung: RLSDL11ANHV1102842. Qua điều tra xác định xe này do anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973, Đăng ký thường trú: Số B, Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, năm 2024, anh Nguyễn Thanh B đã bán xe này cho cửa hàng xe gắn máy “Tuấn H1” do anh Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1997, Đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An làm chủ nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến ngày 18/02/2024, anh Huỳnh Thanh T3 tiếp tục bán lại xe cho bị cáo Nguyễn Trọng N với giá 17.500.000 đồng nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên. Bên cạnh đó, qua làm việc anh Nguyễn Thanh B và anh Huỳnh Thanh T3 xác định chiếc xe trên đã bán nên không có yêu cầu gì đối với xe trên. Nên có đủ cơ sở để xác định xe trên thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trọng N. Chiếc xe trên là tài sản cá nhân của bị cáo, không có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt và tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

* Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N 01 xe ô tô 02 bánh biển số 62N1 – 833.20, hiệu Suzuki, màu đỏ đen, số máy: CGA1502946, số khung: RLSDL11ANHV1102842. Thời gian trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, tình trạng đặc điểm vật chứng được ghi theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2025 giữa bên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, bên nhận Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.)

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Tiền Giang;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Tiền Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thúy

